

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUẢNG NGÃI
Đường Tô Hiến Thành, tổ 18, phường Trần Phú, TP.Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUẢNG NGÃI



Tháng 3 năm 2019

2007 – 2009 Công ty Môi trường Đô thị Quảng Ngãi được đổi tên thành Công ty TNHH một thành viên Môi trường Đô thị Quảng Ngãi theo quyết định số 2958/QĐ-UBND ngày 11/12/2006 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và do UBND tỉnh là chủ sở hữu.

2009 – đến nay Công ty CP Môi trường Đô thị Quảng Ngãi được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Quảng Ngãi theo Quyết định số 2124/QĐ-UBND ngày 08/12/2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4300225555 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 16/12/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 02/01/2018. Công ty niêm yết và chính thức giao dịch tại Sàn giao dịch UPCOM vào ngày 22/6/2018.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
 - + Thu gom rác thải không độc hại;
 - + Lắp đặt hệ thống điện...
- Địa bàn kinh doanh: tỉnh Quảng Ngãi.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị Công ty: bao gồm Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị (05 thành viên); Ban kiểm soát (03 thành viên); Ban Tổng giám đốc (Tổng giám đốc và 01 Phó là Tổng giám đốc); thư ký Công ty cùng các phòng, ban, Xí nghiệp, đội sản xuất trực thuộc Công ty.

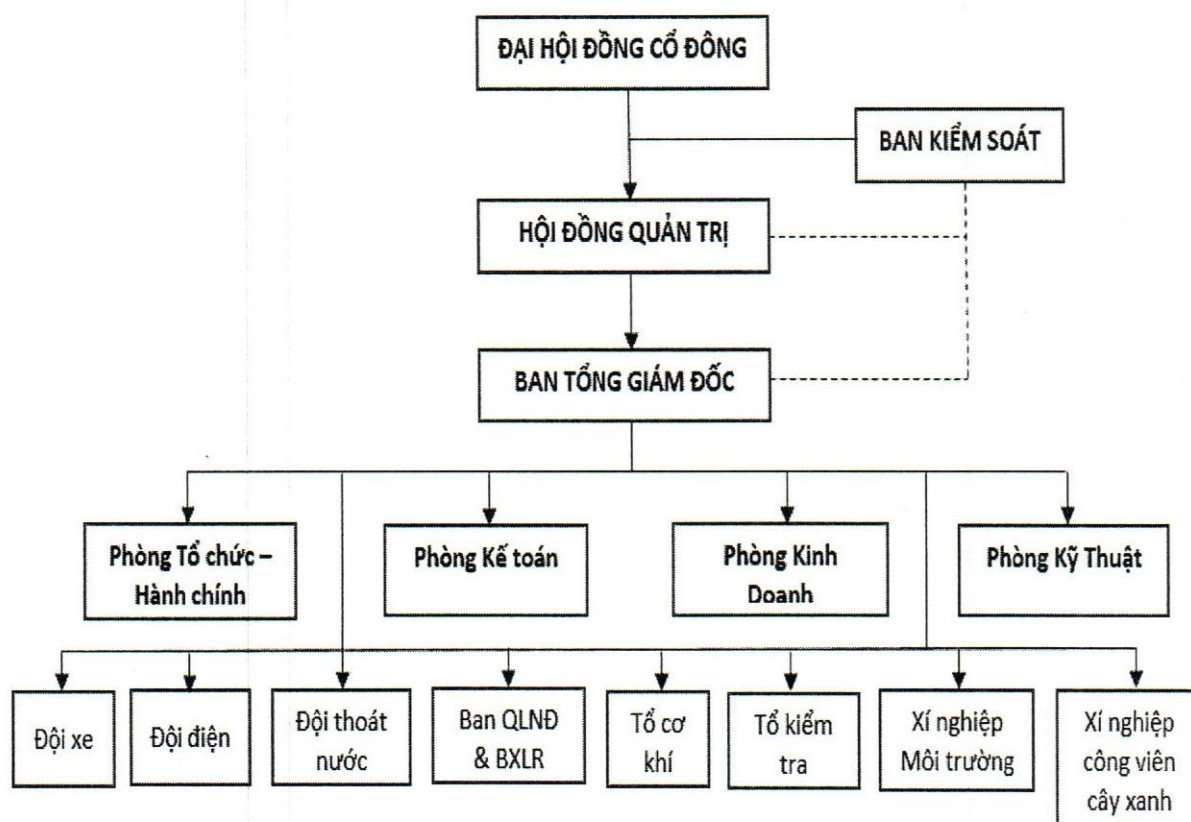
- Cơ cấu bộ máy quản lý:

3.1. Cơ cấu tổ chức của Công ty

STT	Công ty	Địa chỉ
I	Trụ sở chính	Đường Tô Hiến Thành, tổ 18, Phường Trần Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
II	Đơn vị trực thuộc	
1	Xí nghiệp Công viên – Cây xanh	Đường Tô Hiến Thành, tổ 18, Phường Trần Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
2	Xí nghiệp Môi trường	Đường Tô Hiến Thành, tổ 18, Phường Trần Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần với các nội dung chi tiết như sau:

3.2.1. Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty cổ phần, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ công ty cổ phần quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của công ty cổ phần và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của công ty cổ phần.

3.2.2. Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh công ty cổ phần để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty cổ phần, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp và điều lệ công ty cổ phần, các quy chế nội bộ của công ty cổ phần và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

3.2.3. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của công ty cổ phần. Ban kiểm soát hoạt động độc

lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

3.2.4. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trực tiếp chỉ đạo các phòng chức năng, quyết định các vấn đề tổ chức nhân sự, bố trí cán bộ, điều động nhân lực, xe máy, vật tư... và chịu trách nhiệm trước pháp luật...

Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công trực tiếp của Tổng giám đốc. Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về công việc của mình

3.2.5. Các phòng ban chức năng và đơn vị sản xuất trực thuộc

*** Phòng Tổ chức hành chính**

Có nhiệm vụ tham mưu cho Tổng giám đốc về việc tổ chức bố trí, sắp xếp đội ngũ CBCNV như: Lập kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBCNV, xây dựng kế hoạch đơn giá tiền lương, lập phương án chi trả lương; lập bảng thanh toán lương hàng tháng, bảo quản hồ sơ CBCNV tuyển dụng, giải quyết chế độ chính sách cho người lao động: bảo hiểm, thai sản, ốm đau, chấm dứt hợp đồng lao động; chế độ nâng lương và lập kế hoạch cung cấp bảo hộ lao động cho người lao động và giải quyết các công việc hành chính quản trị.

*** Phòng Kế toán**

Có nhiệm vụ tham mưu cho Tổng giám đốc toàn bộ hoạt động tài chính của Công ty tổ chức hạch toán toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh, tính giá thành sản phẩm, xác định kết quả tài chính, thực hiện các nhiệm vụ thu chi quản lý các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, đảm bảo vốn cho quá trình hoạt động sản xuất của Công ty; Lập báo cáo quyết toán quý, năm của Công ty gửi các cơ quan liên quan đúng thời hạn; Có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ các tài liệu kế toán.

*** Phòng Kỹ thuật**

Chịu trách nhiệm tổ chức thi công các công trình theo kế hoạch, đúng qui trình, thực hiện đúng cơ chế được giao. Lập dự toán các dịch vụ công ích, hồ sơ hoàn công, quyết toán các công trình và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật công trình.

*** Phòng Kinh doanh**

Tham mưu cho Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, tham mưu các hợp đồng kinh doanh, dịch vụ, mua sắm...tham mưu các thủ tục mua sắm tài sản, xây dựng các định mức về nhiên liệu, vật tư, xe máy, thiết bị,... nghiệm thu tổng hợp khối lượng công việc thực hiện để làm biên bản xác nhận khối lượng thực hiện các đơn vị liên quan.

*** Các đơn vị sản xuất trực thuộc**

Các đơn vị sản xuất trực thuộc bao gồm: Xí nghiệp Công viên – Cây xanh, Xí nghiệp Môi trường, Đội xe, Đội điện, Đội thoát nước, Ban quản lý nghĩa địa & bãi xử lý

rác, Tổ cơ khí, Tổ kiểm tra. Các đơn vị sản xuất trực thuộc trên chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc về các công tác điều hành sản xuất và công tác nhân lực trong đơn vị.

4. Định hướng phát triển

4.1. Mục tiêu phát triển chủ yếu của Công ty

Với mục tiêu chiến lược trở thành một đơn vị cung cấp dịch vụ môi trường đô thị lớn và uy tín trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Công ty sẽ huy động mọi nguồn lực và kinh nghiệm sẵn có kết hợp với việc mở rộng đầu tư theo định hướng sau:

- Phát triển doanh nghiệp thành đơn vị mạnh trong tỉnh và trong Hiệp hội Môi trường đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam khu vực miền Trung – Tây nguyên;
- Tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân hàng năm đạt 4%;
- Các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, cổ tức của người lao động năm sau phải cao hơn năm trước; ổn định đời sống việc làm của người lao động; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước;
- Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, có văn hóa ứng xử. Xây dựng đội ngũ lãnh đạo bản lĩnh và năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược phát triển của Công ty những năm tiếp theo dựa trên nguồn lực con người là then chốt, quản trị doanh nghiệp là khâu quan trọng:

- Đẩy mạnh công tác quản lý, điều hành, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong Công ty. Tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy chế để điều hành, phân cấp quản lý một cách thống nhất từ trên xuống dưới;
- Phát triển một số ngành nghề kinh doanh mà hiện nay công ty chưa quan tâm đúng mức, đồng thời tiếp tục mở rộng địa bàn hoạt động đối với các lĩnh vực mà công ty đang thực hiện;
- Đầu tư, khai thác và sử dụng các thiết bị, công nghệ hiện đại phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường trong các lĩnh vực dịch vụ công ích;
- Dự báo được nhu cầu nguồn nhân lực để đáp ứng được đòi hỏi của công việc cụ thể, nhất là các chức danh lãnh đạo chủ chốt của đơn vị như thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và tiêu chuẩn của từng vị trí để từng bước có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, bố trí công việc hợp lý, hiệu quả trên cơ sở nguồn nhân lực sẵn có trong Công ty. Tuyển dụng lao động phải phù hợp với nhu cầu công việc và tiêu chuẩn các chức danh. Cần ưu tiên cho những người giỏi về công tác quản lý, có kinh nghiệm làm việc, có thành tích học tập xuất sắc.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

Các loại hình dịch vụ hiện nay Công ty đang phục vụ đặc biệt là công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đều nhằm đáp ứng yêu cầu ngày một tăng của cộng đồng

trong việc cải thiện môi trường sống, giải quyết vấn đề cấp bách hiện nay của tỉnh Quảng Ngãi nói riêng và cả nước nói chung.

5. Các rủi ro:

Hiện nay cơ chế chính sách đối với các loại hình dịch vụ môi trường đang được quan tâm đúng mức. Nhưng trên thực tế, các dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh không hiệu quả, chậm tiến độ ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ của Công ty, ảnh hưởng đến công tác vệ sinh môi trường chung trên địa bàn thành phố. Bên cạnh đó, khối lượng dịch vụ do Công ty thực hiện đang dần bị thu hẹp do nhiều yếu tố khách quan.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2018 với quyết tâm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra, dưới sự lãnh đạo hiệu quả của của Hội đồng quản trị và sự điều hành nhạy bén sáng tạo có trách nhiệm của Ban tổng giám đốc cùng sự đoàn kết của toàn thể CBCNV-LĐ trong công ty nên năm 2018 Công ty đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu đề ra. Kết quả hoạt động SXKD năm 2018 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2017	Năm 2018		TH 2018/ KH 2018 (%)	TH 2018/ TH 2017 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện		
1	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	133.543	120.000	125.447	104,5	93,9
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	23.142	17.000	21.297	125,3	92
3	Tiền lương bình quân (người/tháng)	Triệu đồng	8,5	7,6	8,6	113,2	101,2

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách ban điều hành:

2.1. Ông Lê Hồng Sơn – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên: Lê Hồng Sơn

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 06/09/1973

Nơi sinh: Xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
 CMND: 211960549
 Quốc tịch: Việt Nam
 Địa chỉ thường trú: 176 Phan Đình Phùng, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
 Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 09/1999 09/2003	– Công tác tại phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty Xây dựng và khai thác Vật liệu xây dựng Quảng Ngãi
+ 09/2003 05/2005	– Nhân viên phòng Kế hoạch – Vật tư – Kỹ thuật Công ty Môi trường đô thị Quảng Ngãi
+ 06/2005 05/2015	– Trưởng phòng Kinh doanh CTCP Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
+ 06/2015 12/2017	– Phó Tổng giám đốc CTCP Môi trường Đô thị Quảng Ngãi Thành viên HĐQT CTCP Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
+ 01/2018 đến nay	Tổng giám đốc Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi Thành viên HĐQT CTCP Môi trường Đô thị Quảng Ngãi

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ: 8.513 cổ phiếu, chiếm 0,53% Vốn điều lệ.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: 8.513 cổ phiếu, chiếm 0,53% Vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

2.1. Ông Trương Minh Khương – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Trương Minh Khương
 Giới tính: Nam



Ngày tháng năm sinh: 28/03/1962
 Nơi sinh: Xã An Hải, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
 CMND: 212567490
 Quốc tịch: Việt Nam
 Địa chỉ thường trú: 359 Phan Đình Phùng, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 1989 - 1999	Làm việc tại xí nghiệp quy hoạch khảo sát thiết kế - Sở Xây dựng Quảng Ngãi
+ 1999 - 2003	Làm việc tại Công ty tư vấn xây dựng và đầu tư Quảng Ngãi - Sở Xây dựng Quảng Ngãi. Trưởng phòng Thiết kế, Trưởng phòng kế hoạch - tư vấn giám sát
+ 2003 - 2005	Làm việc tại Ban quản lý dự án công trình công cộng - Sở Xây dựng Quảng Ngãi
+ 2005 - 2011	Làm việc tại Ban quản lý dự án cải thiện môi trường đô thị Miền Trung - Tiểu dự án Quảng Ngãi. Chức vụ: Phó giám đốc ban quản lý dự án
+ 2012 - 2015	Làm việc tại Công ty CP Môi trường Đô thị Quảng Ngãi. Chức vụ: Trưởng phòng Kỹ thuật.
+ 2015 - đến nay	Làm việc tại Công ty CP Môi trường Đô thị Quảng Ngãi. Chức vụ: Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc công ty.

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ: 5.064 cổ phiếu, chiếm 0,32% Vốn điều lệ.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: 5.064 cổ phiếu, chiếm 0,32% Vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

2.3. Ông Lê Cao Thanh – Kế toán trưởng

Họ và tên: Lê Cao Thanh
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 05/10/1971
Nơi sinh: Huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi
CMND: 211211417
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: Phường Trần Phú, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - chuyên ngành Kế toán
Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 09/1995 08/2002	– Công tác tại Nhà máy bánh kẹo – Công ty CP Đường Quảng Ngãi
+ 09/2002 09/2009	– Công tác tại Ban quản lý khu kinh tế Dung Quất
+ 10/2009 5/2015	– Công tác tại Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi. Chức vụ: Giám đốc Xí nghiệp Công viên – Cây xanh.
+ 06/2015 – đến nay	Công tác tại Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi. Chức vụ: Kế toán trưởng

Chức vụ công tác tại Công ty: Kế toán trưởng
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
Số CP nắm giữ: 5.649 cổ phiếu, chiếm 0,35% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.
+ Cá nhân sở hữu: 5.649 cổ phiếu, chiếm 0,35% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có
Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

Tổng số lao động ở Công ty đến ngày 31/12/2018 là 481 lao động; trong đó: 464 lao động không xác định thời hạn, 5 lao động trong thời gian thử việc và 12 lao động thời vụ.

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	145.093.540.004	140.599.404.134	-3,1%
Doanh thu thuần	133.543.373.765	125.447.498.738	-6,06%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	29.160.556.790	26.409.954.171	-9,43%
Lợi nhuận khác/	-162.436.206	240.844.746	248,3%
Lợi nhuận trước thuế	28.998.120.584	26.650.798.917	-8,09%
Lợi nhuận sau thuế	23.124.277.958	21.296.861.487	-7,9%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	112,8%		
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng;</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>	5,3	5,8	
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	5,2	5,6	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	30,5%	27,3%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	63%	53,6%	

3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	41,5	34,1	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,92	0,89	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,17	0,17	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,33	0,3	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,16	0,15	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần...	0,22	0,21	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

- Thông tin về cổ phiếu:

Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên: 22/6/2018

Mã chứng khoán: MQN

Loại cổ phiếu niêm yết: Cổ phiếu phổ thông

Nơi niêm yết: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu: 1.595.543 cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông nhà nước	816.127	51,15
2	Các cổ đông khác	779.416	48,85
3	Tổng cộng	1.595.543	100

(Ghi chú: ngày 27/12/2018 cổ đông nhà nước đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

5.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không

5.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 5.054.171 KW

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không

5.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn cung cấp nước: Từ giếng khoan và giếng khơi.

- Lượng nước sử dụng: 297.676 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

5.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường đô thị nên vấn đề bảo vệ môi trường luôn được đặt lên hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Trong năm vừa qua Công ty không bị xử phạt vi phạm nào do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

5.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Tổng số lao động hiện nay của Công ty là 481 lao động, thu nhập bình quân năm 2018 là: 8,6 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Hằng năm, Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động và tổ chức các lớp tập huấn về an toàn vệ sinh lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên lao động trong toàn Công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Hằng năm Công ty tổ chức cho các cán bộ, công nhân viên lao động đi học hỏi kinh nghiệm ở một số địa phương trên cả nước; tham gia các buổi hội nghị, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ.



5.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Đóng góp công tác xã hội năm 2018: 72.000.000 đồng.

5.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2018 mặc dù gặp những khó khăn nhất định do các cơ chế, chính sách của Nhà nước, nhưng Công ty vẫn nỗ lực phấn đấu nhằm hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất đề ra, chất lượng dịch vụ được khách hàng tin tưởng, uy tín của Công ty ngày càng nâng cao. Có được những thành quả trên là do những yếu tố sau:

- Tập thể cán bộ, công nhân viên lao động đã đoàn kết, thống nhất cao.
- Được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của các cấp Đảng ủy, HĐQT Công ty, sự hỗ trợ, tạo điều kiện của các Sở ngành, các phòng ban của thành phố, sự điều hành linh hoạt, kịp thời của Ban Tổng Giám đốc Công ty.
- Các phòng chuyên môn, các đơn vị sản xuất đã bám vào kế hoạch được giao để thực hiện.
- BTGD Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNVLD, đảm bảo công việc làm cho người lao động an tâm công tác.

Bên cạnh đó vẫn còn một số mặt cần khắc phục như:

- Website của Công ty chưa được khai thác hiệu quả.
- Phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật chưa lan tỏa.
- Vẫn còn xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông trong quá trình làm việc.

* Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2018	TH năm 2018	KH 2018/ TH 2017 (%)
1	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	120.000	125.447	104,5
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	17.000	21.297	125,3
3	Tiền lương bình quân (người/tháng)	Triệu đồng	7,6	8,6	113,2
4	Cổ tức	%	52,11		

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Giá trị tổng tài sản Công ty tại ngày 31/12/2018 là: 140,6 tỷ đồng giảm 3,1% so với cùng kỳ năm 2017.

Khả năng sinh lợi trên tổng tài sản (ROA): 0,15. Điều này cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty rất tốt.

b) Tình hình nợ phải trả năm 2018:

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

+ Đầu năm 2018: 44.203.539.720 đồng

+ Cuối năm 2018: 38.345.018.670 đồng

Giảm: 5.858.521.050 đồng

Trong tổng số nợ thì các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán là: 28.917.844.435 đồng, chủ yếu là khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam chi nhánh Quảng Ngãi (vay dài hạn). Thời hạn vay 20 năm, ân hạn 72 tháng, lãi suất và phí cho vay bằng 5,4%/năm. Đây là khoản lãi suất thấp và cố định. Do đó, Công ty không có rủi ro lớn về biến động lãi suất ngoài dự kiến.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Đã và đang kiện toàn lại bộ máy Công ty nhằm quản lý hiệu quả hơn và phù hợp hơn với chuyên môn của từng bộ phận nghiệp vụ đồng thời đáp ứng được hiệu quả công việc được giao.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy lãnh đạo từ Công ty đến các phòng, ban, xí nghiệp, đội, tổ sản xuất trực thuộc Công ty để nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp.

- Ổn định, duy trì với các khách hàng, đối tác lớn. Tìm kiếm, mở rộng thị trường nhằm tăng doanh thu cho Công ty.

- Đảm bảo công tác phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh lao động hạn chế các sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông xảy ra trong Công ty.

- Tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, mức tiền lương bình quân \geq 7,8 triệu đồng/người/tháng.

- Thực hiện 100% chế độ chính sách về tiền lương, BHLĐ, BHYT, BHXH... theo quy định cho CBCNVLĐ chính xác, kịp thời.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Thực hiện tốt những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Ban lãnh đạo luôn coi trọng công tác chăm lo về vật chất và tinh thần cho người lao động, tạo cho họ sự yên tâm để gắn bó lâu dài với Công ty. Hai đoàn thể là Công đoàn và Đoàn thanh niên luôn được tạo điều kiện thuận lợi và ngày càng nâng cao hiệu quả hoạt động.

Thỏa ước lao động tập thể được ký kết tại Hội nghị người lao động được tổ chức hằng năm nhằm đảm bảo những lợi ích cho người lao động.

Công tác an toàn vệ sinh lao động luôn được công ty quan tâm thông qua các hoạt động cụ thể: Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động và tổ chức các lớp tập huấn về an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy cho CBCN-LĐ trong toàn Công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty đã thu hút, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho 481 lao động.

Hằng năm, Công ty vận động người lao động cùng với doanh nghiệp đóng góp cho các quỹ từ thiện xã hội.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Căn cứ Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018, hoạt động quản trị Công ty của Hội đồng quản trị trong năm 2018 như sau:

Năm 2018, HĐQT hoạt động và tổ chức hoạt động đúng Pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty; tuy nhiên có nhiều vấn đề bất lợi phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh. Đặc biệt là các dự án đầu tư lò đốt rác thải được UBND tỉnh giao cho các đơn vị đầu tư, thi công nhưng không đúng tiến độ dẫn đến chất lượng dịch vụ của Công ty bị ảnh hưởng;

Thực hiện tốt các quy định về chế độ tài chính kế toán của nhà nước.

Trong năm Ban điều hành đã đảm bảo đủ việc làm cho người lao động. Thực hành tiết kiệm tương đối hiệu quả, giải quyết chế độ chính sách cho người lao động đúng với chế độ chính sách của nhà nước, quy định của công ty.

Các cuộc họp, Nghị quyết của Hội đồng quản trị được đưa ra kịp thời đáp ứng được mục tiêu sản xuất kinh doanh để Ban tổng giám đốc triển khai thực hiện.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban Tổng giám đốc là những người có năng lực lãnh đạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm cao và năng động trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Bám sát chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh cũng như Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị để triển khai công việc và đáp ứng được yêu cầu đề ra.

- Phối hợp với các tổ chức Đảng, đoàn thể nhằm nâng cao hiệu quả điều hành và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- Chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các quy định pháp luật của các cơ quan nhà nước về chế độ báo cáo tài chính, hợp đồng... cũng như quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước về việc công bố thông tin đối với Công ty cổ phần đại chúng.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2019 là năm Công ty sẽ gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc cần phải có nhiều biện pháp hiệu quả nhằm tạo niềm tin cho cổ đông đồng thời để người lao động an tâm lao động, sản xuất.

Xác định rõ nguồn nhân lực là khâu then chốt của doanh nghiệp nhằm sắp xếp, bố trí lại nhân sự của các phòng ban, đội, tổ sản xuất phù hợp với yêu cầu của công việc đề ra.

Tổ chức tập huấn kỹ năng nghiệp vụ, chuyên môn cho cán bộ, công nhân kỹ thuật thông qua các lớp bồi dưỡng của Hiệp hội, các ngành về quản lý chất thải rắn, cây xanh, điện chiếu sáng... Từng bước tuyển dụng lao động có trình độ chuyên môn; có kỹ thuật, tay nghề cao phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh của đơn vị.

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

022
ING
PHI
RUC
TH
GNG
-T.C

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường Đô Thị Quảng Ngãi

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 12/03/2019 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô Thị Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lâm Chí Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 12 tháng 03 năm 2019

Lê Văn Cảnh – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2725-2018-010-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		100.388.714.452	102.035.946.801
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		19.869.772.669	23.019.042.816
1. Tiền	111	5	19.869.772.669	23.019.042.816
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		41.580.000.000	31.640.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	41.580.000.000	31.640.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.305.776.122	44.940.013.568
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	34.380.348.900	44.113.214.840
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		60.500.000	82.025.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.024.529.922	754.331.428
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(159.602.700)	(9.557.700)
IV. Hàng tồn kho	140		3.233.720.951	1.993.004.510
1. Hàng tồn kho	141	10	3.233.720.951	1.993.004.510
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		399.444.710	443.885.907
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	399.444.710	443.885.907
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.210.689.682	43.057.593.203
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		39.868.252.990	42.870.038.984
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	39.868.252.990	42.870.038.984
- Nguyên giá	222		94.406.662.469	94.280.782.469
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.538.409.479)	(51.410.743.485)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		342.436.692	187.554.219
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	342.436.692	187.554.219
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		140.599.404.134	145.093.540.004

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		38.345.018.695	44.203.539.720
I. Nợ ngắn hạn	310		17.216.867.402	19.225.830.879
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		62.486.885	379.433.550
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		30.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	4.951.711.793	5.477.304.632
4. Phải trả người lao động	314		3.518.378.069	4.440.017.180
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	96.301.500	106.438.500
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15.a	5.450.904.782	6.140.521.236
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16.a	2.180.000.000	2.180.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		927.084.373	502.115.781
II. Nợ dài hạn	330		21.128.151.293	24.977.708.841
1. Phải trả dài hạn khác	337	15.b	590.062.804	2.259.620.352
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16.b	20.538.088.489	22.718.088.489
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		102.254.385.439	100.890.000.284
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	71.536.864.362	70.172.479.207
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	15.955.430.000	15.955.430.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.955.430.000	15.955.430.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	17	7.897.892.973	7.897.892.973
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	32.047.558.851	32.047.558.851
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17	15.635.982.538	14.271.597.383
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		27.978.551	26.748.425
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.608.003.987	14.244.848.958
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		30.717.521.077	30.717.521.077
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		30.717.521.077	30.717.521.077
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		140.599.404.134	145.093.540.004



Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

Handwritten signature

Lê Cao Thanh

Người lập biểu

Handwritten signature

Lê Cao Thanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	19	125.448.237.829	133.543.373.765
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	739.091	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		125.447.498.738	133.543.373.765
4. Giá vốn hàng bán	11	21	89.068.956.731	93.578.099.401
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		36.378.542.007	39.965.274.364
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.899.936.093	2.059.265.060
7. Chi phí tài chính	22	23	1.213.170.000	1.332.525.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.213.170.000</i>	<i>1.332.525.000</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	10.655.353.929	11.531.457.634
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.409.954.171	29.160.556.790
11. Thu nhập khác	31	25	412.059.000	618.489.548
12. Chi phí khác	32	26	171.214.254	780.925.754
13. Lợi nhuận khác	40		240.844.746	(162.436.206)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.650.798.917	28.998.120.584
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	5.353.937.430	5.873.842.626
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		21.296.861.487	23.124.277.958
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	12.282	11.341
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	12.282	11.341



Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

Lê Cao Thanh

Người lập biểu

(Handwritten signature)

Lê Cao Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 03 - DN
 Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		140.145.451.789	112.633.449.625
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(42.926.787.969)	(46.038.467.439)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(47.197.793.925)	(49.472.582.117)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(2.966.730.055)	(3.865.548.908)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	13	(6.638.268.288)	(5.090.235.085)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.412.327.999	10.832.322.322
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(21.591.549.338)	(28.242.220.951)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.236.650.213	(9.243.282.553)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(138.468.000)	(4.364.610.190)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(49.580.000.000)	(41.640.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		39.640.000.000	41.600.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8,22	1.576.031.887	2.047.705.390
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.502.436.113)	(2.356.904.800)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	16.b	(2.180.000.000)	(2.180.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	15.a,17.d	(17.703.484.247)	(10.301.631.679)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.883.484.247)	(12.481.631.679)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.149.270.147)	(24.081.819.032)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	23.019.042.816	47.100.861.848
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	19.869.772.669	23.019.042.816



Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

Lê Cao Thanh

Người lập biểu

(Handwritten signature)

Lê Cao Thanh

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ HỒNG SƠN

